

Số: 1393/QĐ-BXD

Hà Nội, ngày 21 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt danh mục vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức
của Cục Hàng không Việt Nam**

BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25/2/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm và biên chế công chức;

Căn cứ Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 06/2024/TT-BNV ngày 28/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Thông tư số 42/2022/TT-BGTVT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành giao thông vận tải trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực giao thông vận tải;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-TTCP ngày 01/11/2023 của Tổng Thanh tra Chính phủ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành thanh tra;

Căn cứ Thông tư số 16/2023/TT-BKHCN ngày 09/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành khoa học và công nghệ trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 09/2023/TT-BTTTT ngày 28/7/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Thông tin và Truyền thông trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Thông tư số 02/2025/TT-BTP ngày 31/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn vị trí việc làm về công tác pháp chế trong cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 13/2022/TT-BNV ngày 31/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn việc xác định cơ cấu ngạch công chức, Thông tư số 04/2024/TT-BNV ngày 27/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư 13/2022/TT-BNV ngày 31/12/2022 của Bộ Nội vụ;

Xét đề nghị của Cục Hàng không Việt Nam tại Tờ trình 1836/TTr-CHK ngày 29/5/2025;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của Cục Hàng không Việt Nam.

(Chi tiết tại Phụ lục I, II kèm theo)

Điều 2. Giao Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam trên cơ sở danh mục vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức quy định tại Điều 1 Quyết định này, phê duyệt danh mục vị trí việc làm; bản mô tả công việc, trình độ đào tạo, yêu cầu điều kiện khác, khung năng lực của từng vị trí việc làm; cơ cấu ngạch công chức đối với các tổ chức hành chính trực thuộc Cục để làm cơ sở cho việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức, lao động hợp đồng theo quy định.

Điều 3. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1271/QĐ-BXD ngày 08/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc phê duyệt danh mục vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức các tổ chức hành chính thuộc Cục Hàng không Việt Nam.

2. Chánh Văn phòng Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Trần Hồng Minh (để b/c);
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Lưu: VT, TCCB (PH).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Xuân Sang

Phụ lục I

DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ CƠ CẤU NGẠCH CÔNG CHỨC
CỦA CƠ QUAN CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ/BXD ngày /08/2025
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*

A. Danh mục vị trí việc làm

TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng
1	VTVL lãnh đạo, quản lý	
1	Cục trưởng	
2	Phó Cục trưởng	
3	Chánh Văn phòng	
4	Phó Chánh Văn phòng	
5	Trưởng phòng	
6	Phó trưởng phòng	
7	Chánh Thanh tra	
8	Phó Chánh Thanh tra	
2	VTVL nghiệp vụ chuyên ngành	
1	Chuyên viên cao cấp về an ninh, an toàn giao thông hàng không	Chuyên viên cao cấp
2	Chuyên viên chính về an ninh, an toàn giao thông hàng không	Chuyên viên chính
3	Chuyên viên an ninh, an toàn giao thông hàng không	Chuyên viên
4	Chuyên viên cao cấp về quản lý phương tiện và người lái	Chuyên viên cao cấp
5	Chuyên viên chính về quản lý phương tiện và người lái	Chuyên viên chính
6	Chuyên viên về quản lý phương tiện và người lái	Chuyên viên
7	Chuyên viên cao cấp về quản lý vận tải hàng không	Chuyên viên cao cấp
8	Chuyên viên chính về quản lý vận tải hàng không	Chuyên viên chính
9	Chuyên viên về quản lý vận tải hàng không	Chuyên viên
10	Chuyên viên cao cấp về kết cấu hạ tầng giao thông hàng không	Chuyên viên cao cấp
11	Chuyên viên chính về kết cấu hạ tầng giao thông hàng không	Chuyên viên chính
12	Chuyên viên về kết cấu hạ tầng giao thông hàng không	Chuyên viên
13	Chuyên viên cao cấp về quản lý khoa học và công nghệ (gồm cả hoạt động và nhiệm vụ khoa học và công nghệ)	Chuyên viên cao cấp
14	Chuyên viên chính về quản lý khoa học và công nghệ (gồm cả hoạt động và nhiệm vụ khoa học và công nghệ)	Chuyên viên chính
15	Chuyên viên về quản lý khoa học và công nghệ (gồm cả hoạt động và nhiệm vụ khoa học và công nghệ)	Chuyên viên
16	Chuyên viên cao cấp về quản lý hoạt động tiêu chuẩn hóa	Chuyên viên cao cấp

TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng
17	Chuyên viên chính về quản lý hoạt động tiêu chuẩn hóa	Chuyên viên chính
18	Chuyên viên về quản lý hoạt động tiêu chuẩn hóa	Chuyên viên
19	Chuyên viên cao cấp về quản lý đánh giá hợp chuẩn và hợp quy	Chuyên viên cao cấp
20	Chuyên viên chính về quản lý đánh giá hợp chuẩn và hợp quy	Chuyên viên chính
21	Chuyên viên về quản lý đánh giá hợp chuẩn và hợp quy	Chuyên viên
22	Chuyên viên cao cấp về quản lý an toàn thông tin mạng	Chuyên viên cao cấp
23	Chuyên viên chính về quản lý an toàn thông tin mạng	Chuyên viên chính
24	Chuyên viên về quản lý an toàn thông tin mạng	Chuyên viên
25	Chuyên viên cao cấp về môi trường	Chuyên viên cao cấp
26	Chuyên viên chính về môi trường	Chuyên viên chính
27	Chuyên viên về môi trường	Chuyên viên
28	Chuyên viên cao cấp về biến đổi khí hậu	Chuyên viên cao cấp
29	Chuyên viên chính về biến đổi khí hậu	Chuyên viên chính
30	Chuyên viên về biến đổi khí hậu	Chuyên viên
31	Chuyên viên cao cấp về quản lý công nghệ thông tin	Chuyên viên cao cấp
32	Chuyên viên chính về quản lý công nghệ thông tin	Chuyên viên chính
33	Chuyên viên về quản lý công nghệ thông tin	Chuyên viên
34	Chuyên viên cao cấp về quản lý đầu tư theo phương thức đối tác công - tư	Chuyên viên cao cấp
35	Chuyên viên chính về quản lý đầu tư theo phương thức đối tác công - tư	Chuyên viên chính
36	Chuyên viên về quản lý đầu tư theo phương thức đối tác công - tư	Chuyên viên
III	VTVL chuyên môn dùng chung	
1	Chuyên viên cao cấp về tổ chức bộ máy	Chuyên viên cao cấp
2	Chuyên viên chính về tổ chức bộ máy	Chuyên viên chính
3	Chuyên viên về tổ chức bộ máy	Chuyên viên
4	Chuyên viên cao cấp về quản lý nguồn nhân lực	Chuyên viên cao cấp
5	Chuyên viên chính về quản lý nguồn nhân lực	Chuyên viên chính
6	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Chuyên viên
7	Chuyên viên cao cấp về cải cách hành chính	Chuyên viên cao cấp
8	Chuyên viên chính về cải cách hành chính	Chuyên viên chính
9	Chuyên viên về cải cách hành chính	Chuyên viên
10	Chuyên viên cao cấp về thi đua khen thưởng	Chuyên viên cao cấp
11	Chuyên viên chính về thi đua khen thưởng	Chuyên viên chính

TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng
12	Chuyên viên về thi đua khen thưởng	Chuyên viên
13	Thanh tra viên cao cấp về công tác thanh tra	Thanh tra viên cao cấp
14	Thanh tra viên chính về công tác thanh tra	Thanh tra viên chính
15	Thanh tra viên về công tác thanh tra	Thanh tra viên
16	Chuyên viên cao cấp về công tác thanh tra	Chuyên viên cao cấp
17	Chuyên viên chính về công tác thanh tra	Chuyên viên chính
18	Chuyên viên về công tác thanh tra	Chuyên viên
19	Thanh tra viên cao cấp về giải quyết khiếu nại tố cáo	Thanh tra viên cao cấp
20	Thanh tra viên chính về giải quyết khiếu nại tố cáo	Thanh tra viên chính
21	Thanh tra viên về giải quyết khiếu nại tố cáo	Thanh tra viên
22	Chuyên viên cao cấp về giải quyết khiếu nại tố cáo	Chuyên viên cao cấp
23	Chuyên viên chính về giải quyết khiếu nại tố cáo	Chuyên viên chính
24	Chuyên viên về giải quyết khiếu nại tố cáo	Chuyên viên
25	Thanh tra viên cao cấp về tiếp công dân và xử lý đơn	Thanh tra viên cao cấp
26	Thanh tra viên chính về về tiếp công dân và xử lý đơn	Thanh tra viên chính
27	Thanh tra viên về về tiếp công dân và xử lý đơn	Thanh tra viên
28	Chuyên viên cao cấp về tiếp công dân và xử lý đơn	Chuyên viên cao cấp
29	Chuyên viên chính về về tiếp công dân và xử lý đơn	Chuyên viên chính
30	Chuyên viên về về tiếp công dân và xử lý đơn	Chuyên viên
28	Thanh tra viên cao cấp về phòng chống tham nhũng và tiêu cực	Thanh tra viên cao cấp
29	Thanh tra viên chính về phòng chống tham nhũng và tiêu cực	Thanh tra viên chính
30	Thanh tra viên về phòng chống tham nhũng và tiêu cực	Thanh tra viên
31	Chuyên viên cao cấp về phòng chống tham nhũng và tiêu cực	Chuyên viên cao cấp
32	Chuyên viên chính về phòng chống tham nhũng và tiêu cực	Chuyên viên chính
33	Chuyên viên chính về phòng chống tham nhũng và tiêu cực	Chuyên viên
34	Pháp chế viên cao cấp	Pháp chế viên cao cấp
35	Pháp chế viên chính	Pháp chế viên chính
36	Pháp chế viên	Pháp chế viên
37	Chuyên viên pháp chế	Chuyên viên
38	Chuyên viên cao cấp về hợp tác quốc tế	Chuyên viên cao cấp
39	Chuyên viên chính về hợp tác quốc tế	Chuyên viên chính
40	Chuyên viên về hợp tác quốc tế	Chuyên viên
41	Chuyên viên cao cấp về thống kê	Chuyên viên cao cấp

TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng
42	Chuyên viên chính về thống kê	Chuyên viên chính
43	Chuyên viên về thống kê	Chuyên viên
44	Chuyên viên cao cấp về kế hoạch đầu tư	Chuyên viên cao cấp
45	Chuyên viên chính về kế hoạch đầu tư	Chuyên viên chính
46	Chuyên viên về kế hoạch đầu tư	Chuyên viên
47	Chuyên viên cao cấp về tài chính	Chuyên viên cao cấp
48	Chuyên viên chính về tài chính	Chuyên viên chính
49	Chuyên viên về tài chính	Chuyên viên
50	Chuyên viên chính về tổng hợp	Chuyên viên chính
51	Chuyên viên về tổng hợp	Chuyên viên
52	Chuyên viên chính về hành chính – văn phòng	Chuyên viên chính
53	Chuyên viên về hành chính – văn phòng	Chuyên viên
54	Cán sự về hành chính – văn phòng	Cán sự
55	Chuyên viên chính về truyền thông	Chuyên viên chính
56	Chuyên viên về truyền thông	Chuyên viên
57	Chuyên viên chính về quản trị công sở	Chuyên viên chính
58	Chuyên viên về quản trị công sở	Chuyên viên
59	Văn thư viên chính	Văn thư viên chính
60	Văn thư viên	Văn thư viên
61	Văn thư viên trung cấp	Văn thư viên trung cấp
62	Chuyên viên chính về lưu trữ	Chuyên viên chính
63	Chuyên viên về lưu trữ	Chuyên viên
64	Kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán)	
65	Kế toán viên chính	Kế toán viên chính
66	Kế toán viên	Kế toán viên
67	Chuyên viên Thủ quỹ	Chuyên viên
68	Cán sự Thủ quỹ	Cán sự
III	VTVL hỗ trợ, phục vụ	
1	Nhân viên Kỹ thuật	Nhân viên
2	Nhân viên Phục vụ	Nhân viên
3	Nhân viên Lái xe	Nhân viên
4	Nhân viên Lễ tân	Nhân viên
5	Nhân viên Bảo vệ	Nhân viên

B. Cơ cấu ngạch công chức

TT	Ngạch công chức	Tỷ lệ cơ cấu ngạch công chức
1	Chuyên viên cao cấp và tương đương	Tối đa 40%
2	Chuyên viên chính và tương đương	Tối đa 40%
3	Chuyên viên và tương đương trở xuống	Tỷ lệ % còn lại

Ghi chú: Tỷ lệ cơ cấu ngạch công chức được tính trên tổng số biên chế được giao và không bao gồm công chức giữ vị trí lãnh đạo, quản lý./.

Phụ lục II
DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ CƠ CẤU NGẠCH CÔNG CHỨC
CỦA CẢNG VỤ HÀNG KHÔNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số QĐ/BXD ngày /08/2025
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

A. Danh mục vị trí việc làm

TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng
1	VTVL lãnh đạo, quản lý	
1	Giám đốc Cảng vụ hàng không	
2	Phó Giám đốc Cảng vụ hàng không	
3	Trưởng phòng	
4	Phó Trưởng phòng	
5	Trưởng đại diện Cảng vụ hàng không	
6	Phó Trưởng đại diện Cảng vụ hàng không	
2	VTVL nghiệp vụ chuyên ngành	
1	Chuyên viên chính về an ninh, an toàn giao thông hàng không	Chuyên viên chính
2	Chuyên viên an ninh, an toàn giao thông hàng không	Chuyên viên
3	Chuyên viên chính về quản lý phương tiện và người lái	Chuyên viên chính
4	Chuyên viên về quản lý phương tiện và người lái	Chuyên viên
5	Chuyên viên chính về quản lý vận tải	Chuyên viên chính
6	Chuyên viên về quản lý vận tải	Chuyên viên
III	VTVL chuyên môn dùng chung	
1	Chuyên viên chính về tổ chức bộ máy	Chuyên viên chính
2	Chuyên viên về tổ chức bộ máy	Chuyên viên
3	Chuyên viên chính về quản lý nguồn nhân lực	Chuyên viên chính
4	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Chuyên viên
5	Chuyên viên về cải cách hành chính	Chuyên viên
6	Chuyên viên về thi đua khen thưởng	Chuyên viên
7	Chuyên viên chính về hành chính – văn phòng	Chuyên viên chính
8	Chuyên viên về hành chính – văn phòng	Chuyên viên
9	Chuyên viên về quản trị công sở	Chuyên viên
10	Văn thư viên	Văn thư viên
11	Văn thư viên trung cấp	Văn thư viên trung cấp
12	Chuyên viên về lưu trữ	Chuyên viên
13	Cán sự về lưu trữ	Cán sự

TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng
14	Chuyên viên chính về hợp tác quốc tế	Chuyên viên chính
15	Chuyên viên về hợp tác quốc tế	Chuyên viên
16	Chuyên viên chính về công nghệ thông tin	Chuyên viên chính
17	Chuyên viên về công nghệ thông tin	Chuyên viên
18	Chuyên viên chính về kế hoạch đầu tư	Chuyên viên chính
19	Chuyên viên về kế hoạch đầu tư	Chuyên viên
20	Chuyên viên chính về tài chính	Chuyên viên chính
21	Chuyên viên về tài chính	Chuyên viên
22	Kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán)	
23	Kế toán viên chính	Kế toán viên chính
24	Kế toán viên	Kế toán viên
25	Kế toán viên trung cấp	Kế toán viên trung cấp
26	Chuyên viên Thủ quỹ	Chuyên viên
27	Cán sự Thủ quỹ	Cán sự
28	Chuyên viên pháp chế	Chuyên viên
IV	VTVL hỗ trợ, phục vụ	
1	Nhân viên Kỹ thuật	Nhân viên
2	Nhân viên Phục vụ	Nhân viên
3	Nhân viên Lái xe	Nhân viên
4	Nhân viên Lễ tân	Nhân viên
5	Nhân viên Bảo vệ	Nhân viên

B. Cơ cấu ngạch công chức

TT	Ngạch công chức	Tỷ lệ cơ cấu ngạch công chức
1	Chuyên viên cao cấp và tương đương	Tối đa 40%
2	Chuyên viên chính và tương đương	Tối đa 40%
3	Chuyên viên và tương đương trở xuống	Tỷ lệ % còn lại

Ghi chú: Tỷ lệ cơ cấu ngạch công chức được tính trên tổng số biên chế được giao và không bao gồm công chức giữ vị trí lãnh đạo, quản lý./.